



Biểu mẫu số 60
Nghị định số 31/2017/NĐ-CP

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 09 /NQ-HĐND, ngày 12 tháng 7 năm 2022 của HĐND huyện Phước Sơn)

ĐVT: đồng

		Trong đó				
ST T	Tên đơn vị	Tổng thu NSDP	Thu NSDP hưởng theo phân cấp	Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Thu từ kết dư năm trước
	TỔNG SỐ	160.788.773.854	1.216.653.519	55.755.000.000	29.252.372.723	6.463.447.849
1	Thị trấn Khâm Đức	15.143.180.695	248.277.471	4.812.100.000	1.007.211.121	516.915.575
2	Xã Phước Xuân	14.904.425.910	144.904.000	4.292.800.000	3.385.418.387	919.692.610
3	Xã Phước Hiệp	17.767.199.512	78.792.200	5.033.200.000	4.287.851.223	2.555.786.698
4	Xã Phước Hòa	9.872.113.448	47.934.000	4.302.700.000	1.575.066.883	529.498.742
5	Xã Phước Đức	12.715.709.381	47.626.000	4.722.500.000	3.296.216.218	743.118.356
6	Xã Phước Năng	15.564.670.831	48.485.000	4.743.400.000	2.015.151.431	77.406.330
7	Xã Phước Mỹ	10.635.000.351	74.194.900	4.644.600.000	2.062.183.137	226.049.978
8	Xã Phước Chánh	14.305.295.528	224.414.948	4.833.100.000	2.303.179.636	11.033.862
9	Xã Phước Công	10.807.300.577	32.737.000	4.414.100.000	388.679.648	84.596.659
10	Xã Phước Kim	12.771.391.913	32.140.000	4.564.000.000	3.422.353.899	160.584.124
11	Xã Phước Lộc	13.393.703.820	146.170.000	4.730.300.000	2.658.300.732	145.457.351
12	Xã Phước Thành	12.908.781.888	90.978.000	4.662.200.000	2.850.760.408	493.307.564